

**DANH SÁCH HS-SV KHÓA 2016, 2017 CÒN NỢ HỌC PHÍ
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2018 - 2019**

(Khoa Công nghệ Động lực)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	17000801	Dư Quốc Bảo	25/06/1999	17C1-CNÔ1	
2	17000774	Hồ Tấn Định	10/08/1998	17C1-CNÔ1	
3	17000440	Bùi Phan Minh Duy	10/12/1996	17C1-CNÔ1	
4	17000379	Lê Hoàng Khải Nguyên	26/1/1998	17C1-CNÔ1	
5	17004089	Trương Thành Phát	18/04/1999	17C1-CNÔ1	
6	17000712	Nguyễn Hoàng Sơn	05/01/1999	17C1-CNÔ1	
7	17002038	Nguyễn Thành Đạt	11/10/1999	17C1-CNÔ10	
8	17001932	Đinh Công Duy	22/04/1999	17C1-CNÔ10	
9	17004120	Đoàn Trung Hiếu	10/02/1997	17C1-CNÔ10	
10	17004629	Nguyễn Chương Hiếu	23/05/1999	17C1-CNÔ10	
11	17001930	Hùynh Thanh Hòa	28/05/1999	17C1-CNÔ10	
12	17002008	Nguyễn Nhật Hòa	15/05/1999	17C1-CNÔ10	
13	17004339	Nguyễn Văn Hòa	15/05/1999	17C1-CNÔ10	
14	17002010	Châu Đức Hùng	18/07/1999	17C1-CNÔ10	
15	17002033	Ngô Hoàng Huy	13/06/1998	17C1-CNÔ10	Nợ 256,000
16	17004443	Nguyễn Quang Huy	23/07/1999	17C1-CNÔ10	
17	17002015	Võ Quốc Huy	29/06/1999	17C1-CNÔ10	
18	17001919	Nguyễn Hùng Khanh	24/08/1997	17C1-CNÔ10	
19	17001988	Trịnh Thanh Long	09/12/1996	17C1-CNÔ10	
20	17002147	Trương Trọng Nghĩa	24/09/1999	17C1-CNÔ10	
21	17002089	Nguyễn Thanh Phong	03/05/1999	17C1-CNÔ10	
22	17001951	Huỳnh Phạm Minh Trung	15/04/1999	17C1-CNÔ10	
23	17002390	. ANịch	02/02/1999	17C1-CNÔ11	
24	17002374	Nguyễn Thành Đạt	17/01/1998	17C1-CNÔ11	
25	17002284	Phạm Quyết Hậu	10/12/1999	17C1-CNÔ11	
26	17002279	Nguyễn Văn Minh Hiếu	25/05/1998	17C1-CNÔ11	
27	16000971	Nguyễn Quang Khải	14/01/1998	17C1-CNÔ11	
28	17004591	Nguyễn Hoàng Khang	05/08/1997	17C1-CNÔ11	
29	17002258	Lê Quốc Khánh	11/03/1998	17C1-CNÔ11	
30	17004659	Lý Tuấn Kiệt	05/08/1999	17C1-CNÔ11	
31	17000432	Nguyễn Thanh Lâm	01/10/1996	17C1-CNÔ11	
32	17002415	Nguyễn Thành Nhân	23/02/1998	17C1-CNÔ11	
33	17002196	Võ Đại Thành	01/08/1998	17C1-CNÔ11	
34	17002242	Nguyễn Minh Thiện	28/11/1999	17C1-CNÔ11	
35	17002223	Trần Minh Thuận	15/03/1999	17C1-CNÔ11	
36	17002359	Lê Văn Toàn	28/07/1999	17C1-CNÔ11	
37	17002282	Nguyễn Công Triết	31/01/1999	17C1-CNÔ11	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
38	17002412	Lê Minh Vũ	28/05/1999	17C1-CNÔ11	
39	17002798	Ngô Văn Ngọc Anh	28/02/1999	17C1-CNÔ12	
40	17002711	Nguyễn Minh Bảo	23/09/1999	17C1-CNÔ12	
41	17002712	Đào Anh Hào	25/02/1998	17C1-CNÔ12	
42	17002713	Võ Trung Hiếu	05/11/1999	17C1-CNÔ12	
43	17004440	Nguyễn Thy Nhân	05/06/1998	17C1-CNÔ12	
44	17002619	Hồ Cảnh Phong	19/06/1999	17C1-CNÔ12	
45	17002468	Nguyễn Thanh Phong	30/06/1999	17C1-CNÔ12	
46	17004589	Trần Hoài Phong	16/03/1999	17C1-CNÔ12	
47	17002248	Phạm Quốc Tiến	24/09/1999	17C1-CNÔ12	
48	17002562	Trần Lê Minh Triều	27/12/1999	17C1-CNÔ12	Nợ 256,000
49	17002553	Từ Trọng Trung	04/03/1999	17C1-CNÔ12	
50	17002605	Nguyễn Mạnh Tường	05/10/1999	17C1-CNÔ12	
51	17002859	Nguyễn Hữu Đây	19/08/1999	17C1-CNÔ13	
52	17003282	Nguyễn Minh Hậu	27/12/1996	17C1-CNÔ13	
53	17002912	Lê Hữu Hòa	02/02/1998	17C1-CNÔ13	
54	17003099	Huỳnh Minh Kha	06/07/1999	17C1-CNÔ13	
55	17003123	Nguyễn Thành Lực	20/07/1999	17C1-CNÔ13	
56	17003104	Dương Thanh Sơn	10/12/1994	17C1-CNÔ13	
57	17004828	Nguyễn Duyên Trí	08/01/1998	17C1-CNÔ13	
58	17002902	Phùng Quốc Trí	15/06/1999	17C1-CNÔ13	
59	17004560	Phạm Nghĩa Trọng	18/04/1995	17C1-CNÔ13	
60	17003192	Nguyễn Đình Trường	27/07/1998	17C1-CNÔ13	
61	17003146	Đỗ Minh Tuấn	16/07/1997	17C1-CNÔ13	
62	17003079	Phạm Tuấn	30/12/1999	17C1-CNÔ13	
63	17003531	Trần Phan Trung Hiếu	23/09/1999	17C1-CNÔ14	
64	17003797	Du Chí Khang	26/07/1993	17C1-CNÔ14	
65	17003471	Trần Tấn Lợi	20/10/1999	17C1-CNÔ14	
66	17003462	Nguyễn Phương Nam	19/07/1999	17C1-CNÔ14	
67	17003640	Phạm Hoàng Nam	19/04/1998	17C1-CNÔ14	
68	17003638	Trần Quang Nhật	04/02/1999	17C1-CNÔ14	
69	17003711	Trần Huỳnh Minh Phước	02/06/1999	17C1-CNÔ14	
70	17003482	Nguyễn Văn Tâm	18/08/1999	17C1-CNÔ14	
71	17003717	Nguyễn Đình Trọng	03/07/1999	17C1-CNÔ14	
72	17004237	Nguyễn Văn Trung	02/12/1998	17C1-CNÔ14	
73	17004662	Trương Anh Tú	17/11/1997	17C1-CNÔ14	
74	17003603	Mai Thanh Tuấn	11/08/1997	17C1-CNÔ14	
75	17003308	Ngô Mai Hoàng Tuấn	27/08/1998	17C1-CNÔ14	
76	17004402	Nguyễn Viết Tuyền	28/10/1999	17C1-CNÔ14	
77	17000893	Lê Khánh An	02/09/1999	17C1-CNÔ2	
78	17004199	Đặng Bảo Duy	05/01/1998	17C1-CNÔ2	
79	17004172	Huỳnh Trương Thái Hải	05/04/1999	17C1-CNÔ2	
80	17004195	Nguyễn Trung Hiếu	30/12/1999	17C1-CNÔ2	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
81	17000957	Nguyễn Hữu Mạnh	26/08/1999	17C1-CNÔ2	
82	17000877	Trần Tấn Ngọc	10/05/1998	17C1-CNÔ2	
83	17000943	Trần Trung Trực	12/10/1996	17C1-CNÔ2	
84	17000849	Nguyễn Minh Trung	21/02/1998	17C1-CNÔ2	
85	17000843	Nguyễn Minh Trường	24/03/1999	17C1-CNÔ2	
86	17001037	Võ Sơn Ca	08/05/1998	17C1-CNÔ3	
87	17003943	Đinh Trọng Hữu	26/01/1999	17C1-CNÔ3	
88	17002867	Ngô Văn Trọng Hữu	10/08/1999	17C1-CNÔ3	
89	17001000	Đào Quang Huy	02/10/1999	17C1-CNÔ3	
90	17001051	Trần Gia Huy	03/10/1999	17C1-CNÔ3	
91	17001064	Phan Tấn Lộc	29/07/1999	17C1-CNÔ3	
92	17001076	Nguyễn Tấn Phước	24/07/1998	17C1-CNÔ3	
93	17001071	Nguyễn Cao Thắng	05/08/1999	17C1-CNÔ3	
94	17000977	Nguyễn Minh Tinh	29/09/1999	17C1-CNÔ3	
95	17001147	Võ Minh Đạt	22/12/1998	17C1-CNÔ4	
96	17001198	Nguyễn Huy Hòa	19/06/1999	17C1-CNÔ4	
97	17001120	Nguyễn Tấn Huy	21/10/1998	17C1-CNÔ4	
98	17001122	Nguyễn Phú Khả	24/02/1998	17C1-CNÔ4	
99	17004186	Lý Nhật Khoa	26/11/1997	17C1-CNÔ4	
100	17003939	Phan Trần Đăng Khoa	31/12/1997	17C1-CNÔ4	
101	17001099	Vì Trọng Nghĩa	13/10/1998	17C1-CNÔ4	
102	17001091	Trần Huy Phương	20/04/1999	17C1-CNÔ4	Nợ 256,000
103	17001161	Trần Hoàng Sơn	05/11/1999	17C1-CNÔ4	
104	17001097	Nguyễn Hoàng Nhật Tân	03/10/1999	17C1-CNÔ4	
105	17001115	Nguyễn Nhật Tân	17/11/1999	17C1-CNÔ4	
106	17001194	Lâm Minh Tiến	19/01/1999	17C1-CNÔ4	
107	17001216	Nguyễn Thành Danh	19/04/1999	17C1-CNÔ5	
108	17001337	Lê Phước Dinh	17/09/1999	17C1-CNÔ5	
109	17001235	Trần Quang Hà	16/10/1998	17C1-CNÔ5	
110	17004182	Trần Khánh Luân	25/11/1998	17C1-CNÔ5	
111	17001303	Nguyễn Đăng Mạnh	18/06/1999	17C1-CNÔ5	
112	17003947	Lê Thế Ngọc	26/06/1999	17C1-CNÔ5	
113	17004245	Trần Đình Sang	09/06/1998	17C1-CNÔ5	
114	17001305	Bùi Ngọc Tuấn	08/08/1999	17C1-CNÔ5	
115	17001236	Hoàng Đức Tùng	30/11/1999	17C1-CNÔ5	
116	17001252	Phùng Võ Ngọc Tường	27/10/1998	17C1-CNÔ5	
117	17001317	Ngô Thanh Vân	04/01/1999	17C1-CNÔ5	
118	17001333	Nguyễn Tiến Anh	21/11/1999	17C1-CNÔ6	
119	17001336	Nguyễn Hải Đăng	27/08/1998	17C1-CNÔ6	Nợ 256,000
120	17001423	Doãn Ngọc Dương	05/01/1999	17C1-CNÔ6	
121	17001370	Nguyễn Ngọc Hải	19/07/1999	17C1-CNÔ6	
122	17001375	Võ Gia Hưng	02/07/1998	17C1-CNÔ6	
123	17001448	Đinh Đăng Khoa	16/04/1999	17C1-CNÔ6	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
124	17001342	Nguyễn Công Nam	17/04/1999	17C1-CNÔ6	
125	17001386	Trần Minh Nhân	23/03/1998	17C1-CNÔ6	
126	17004227	Đặng Thanh Tân	18/10/1997	17C1-CNÔ6	
127	17004190	Huỳnh Minh Tân	23/07/1999	17C1-CNÔ6	
128	17003936	Lã Đình Thanh	30/11/1999	17C1-CNÔ6	
129	17004282	Châu Thành	26/10/1999	17C1-CNÔ6	
130	17004194	Nguyễn Hữu Tình	16/11/1999	17C1-CNÔ6	
131	17001421	Phạm Xuân Trường	05/10/1999	17C1-CNÔ6	
132	17001346	Nguyễn Khang Vĩ	24/05/1999	17C1-CNÔ6	
133	17001527	Nguyễn Hoàng Cơ	15/06/1999	17C1-CNÔ7	
134	17001462	Võ Hoàng Giao	07/07/1999	17C1-CNÔ7	
135	17001535	Hoàng Gia Hiếu	16/01/1999	17C1-CNÔ7	
136	17001463	Nguyễn Đăng Khoa	23/11/1999	17C1-CNÔ7	
137	17001512	Phan Gia Nghĩa	27/05/1999	17C1-CNÔ7	
138	17000995	Lê Hoàng Thiện Trí	16/06/1999	17C1-CNÔ7	
139	17001523	Phạm Hoàng Tuấn	01/07/1999	17C1-CNÔ7	
140	17004096	Cao Quốc Việt	06/12/1999	17C1-CNÔ7	
141	17003937	Từ Ngọc Vũ	21/07/1999	17C1-CNÔ7	
142	17004569	Lê Hoàng Nhật Anh	08/10/1998	17C1-CNÔ8	
143	17004506	Nguyễn Văn Bảo	03/05/1999	17C1-CNÔ8	
144	17004813	Nguyễn Thạch Viết Chánh	27/05/1999	17C1-CNÔ8	
145	17001612	Lê Nhật Hào	26/06/1999	17C1-CNÔ8	
146	17001564	Đặng Đăng Khoa	23/07/1997	17C1-CNÔ8	
147	17001575	Lê Thành Nghĩa	24/06/1998	17C1-CNÔ8	
148	17001602	Bảo Thọ	03/11/1999	17C1-CNÔ8	
149	17001570	Thái Anh Tú	10/06/1999	17C1-CNÔ8	
150	17003872	Lương Bá Vương	12/10/1999	17C1-CNÔ8	
151	17003856	Nguyễn Tấn Ý	22/05/1999	17C1-CNÔ8	
152	17001682	Võ Trường An	14/06/1999	17C1-CNÔ9	
153	17004542	Hồ Quốc Đại	25/03/1997	17C1-CNÔ9	
154	17004779	Vũ Quốc Đạt	15/05/1991	17C1-CNÔ9	
155	17004369	Nguyễn My Đô	08/01/1998	17C1-CNÔ9	
156	17001778	Hoàng Văn Độ	12/05/1999	17C1-CNÔ9	
157	17004477	Đỗ Văn Giàu	21/05/1998	17C1-CNÔ9	
158	17001705	Lê Thành Lộc	06/03/1999	17C1-CNÔ9	
159	17001805	Võ Thành Luân	30/12/1999	17C1-CNÔ9	
160	17001712	Trương Anh Tâm	24/07/1999	17C1-CNÔ9	
161	17001764	Lê Văn Thành	19/08/1999	17C1-CNÔ9	
162	17001853	Bùi Minh Tiến	11/08/1999	17C1-CNÔ9	
163	17001841	Cao Đình Văn	22/08/1999	17C1-CNÔ9	
164	17004949	Phạm Tiến Dũng	10/3/1993	17C2-CNÔ1	
165	17004897	Nguyễn Hữu Lộc	03/02/1988	17C2-CNÔ1	
166	17004920	Nguyễn Phương Nam	07/7/1997	17C2-CNÔ1	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
167	17004952	Nguyễn Thành Thủ	01/01/1987	17C2-CNÔ1	
168	17004891	Nguyễn Quang Tuấn	15/6/1992	17C2-CNÔ1	
169	17004691	Nguyễn Thành Đạt	10/08/2000	17T4-CNÔ1	
170	17000123	Nguyễn Thanh Hùng	2/10/2002	17T4-CNÔ1	
171	17000178	Nguyễn Gia Huy	31/7/2002	17T4-CNÔ1	
172	17000193	Nguyễn Phan Hoàng Phúc	3/9/2001	17T4-CNÔ1	
173	17000154	Nguyễn Hữu Phước	3/10/2002	17T4-CNÔ1	
174	17000072	Nguyễn Cao Tài	21/8/2002	17T4-CNÔ1	
175	17000209	Đinh Hoàng Thịnh	22/9/2002	17T4-CNÔ1	
176	17000169	Trần Thanh Tú	24/8/2001	17T4-CNÔ1	
177	17000751	Nguyễn Hoàng Thái Anh	21/08/2002	17T4-CNÔ2	
178	17000401	Nguyễn Xuân Gia Bảo	21/04/2002	17T4-CNÔ2	
179	17000447	Nguyễn Huy Hoàng	17/8/2002	17T4-CNÔ2	
180	17000296	Trần Công Khanh	28/06/2002	17T4-CNÔ2	
181	17000295	Trần Anh Kiệt	21/07/2001	17T4-CNÔ2	
182	17000231	Phan Trung Hiếu Nghĩa	28/11/2002	17T4-CNÔ2	
183	17000463	Ngô Trần Khôi Nguyên	28/01/2001	17T4-CNÔ2	
184	17000376	Nguyễn Phú Nguyên	17/11/1998	17T4-CNÔ2	
185	17000417	Nguyễn Hữu Quốc	06/12/2002	17T4-CNÔ2	
186	17000399	Nguyễn Văn Thiện	23/9/2002	17T4-CNÔ2	
187	17000273	Tôn Thát Thông	24/01/2002	17T4-CNÔ2	
188	17002919	Trần Đăng Nguyên Thuận	06/03/2001	17T4-CNÔ2	
189	17000219	Lâm Thanh Tiền	14/3/2002	17T4-CNÔ2	
190	17000371	Nguyễn Trung Tín	27/7/2001	17T4-CNÔ2	
191	17000462	Huỳnh Lâm Nghiệp Trí	28/11/1993	17T4-CNÔ2	
192	17000407	Lê Thanh Tùng	20/12/2002	17T4-CNÔ2	
193	17000364	Nguyễn Thành Ý	31/07/2001	17T4-CNÔ2	
194	17000541	Lào Chấn Cường	21/08/2002	17T4-CNÔ3	
195	17000665	Hồ Nhật Đan	29/06/2002	17T4-CNÔ3	
196	17003022	Nguyễn Hoàng Anh Duy	26/06/2002	17T4-CNÔ3	
197	17004665	Huỳnh Ngọc Hải	05/10/1999	17T4-CNÔ3	
198	17000798	Nguyễn Quốc Hưng	02/09/2002	17T4-CNÔ3	
199	17000479	Nguyễn Thành Huy	20/09/2000	17T4-CNÔ3	
200	17000880	Hoàng Đình Anh Khoa	04/10/2001	17T4-CNÔ3	
201	17000516	Lê Thái Khôi	28/01/1999	17T4-CNÔ3	
202	17000556	Trần Minh Nhật	11/09/2002	17T4-CNÔ3	
203	17000549	Cún Thế Phát	03/07/2002	17T4-CNÔ3	
204	17000895	Lâm Minh Quân	31/07/2002	17T4-CNÔ3	
205	17000687	Thái Nguyễn Đình Tấn	24/01/2002	17T4-CNÔ3	
206	17000646	Nguyễn Đức Trọng	30/04/2001	17T4-CNÔ3	
207	17002047	Trần Văn Trường	06/11/2001	17T4-CNÔ3	
208	17000678	Nguyễn Văn Tuấn	04/08/2002	17T4-CNÔ3	
209	17001493	Ngô Văn Vỹ	08/08/2002	17T4-CNÔ3	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
210	17004315	Đỗ Thành Tuấn Anh	01/05/1998	17T4-CNÔ4	
211	17004592	Lương Minh Duy	20/12/2002	17T4-CNÔ4	
212	17001542	Nguyễn Hoàng Duy	10/01/2002	17T4-CNÔ4	
213	17004544	Đỗ Quang Huy	28/05/2002	17T4-CNÔ4	
214	17004142	Phạm Gia Huy	19/10/1999	17T4-CNÔ4	
215	17002318	Nguyễn Thái An Khang	25/09/2002	17T4-CNÔ4	
216	17004656	Thái Vỹ Khang	08/03/2000	17T4-CNÔ4	
217	17003217	Trần Khang Nguyên	26/08/2001	17T4-CNÔ4	
218	17004425	Nguyễn Thê Phong	06/03/2000	17T4-CNÔ4	
219	17003269	Nguyễn Ngọc Phú	11/05/2002	17T4-CNÔ4	
220	17002523	Nguyễn Minh Sơn	21/5/1997	17T4-CNÔ4	
221	17004502	Nguyễn Minh Thái	07/10/2002	17T4-CNÔ4	
222	17000058	Nguyễn Tiến Thành	25/11/2002	17T4-CNÔ4	
223	17002529	Danh Hoàng Thiện	26/9/1997	17T4-CNÔ4	
224	17004050	Nguyễn Minh Trí	06/05/2001	17T4-CNÔ4	
225	17002048	Trần Tú	25/02/2002	17T4-CNÔ4	
226	16003159	Cao Văn Bình	03/06/1998	16CĐN-Ô1	
227	16001037	Trần Văn Bình	27/06/1997	16CĐN-Ô1	
228	16003891	Phạm Quang Chương	23/09/1996	16CĐN-Ô1	
229	16003272	Trần Đức Cường	04/12/1998	16CĐN-Ô1	
230	16001466	Trần Toàn Định	25/04/1997	16CĐN-Ô1	
231	16000178	Nguyễn Đức Duy	08/03/1997	16CĐN-Ô1	
232	16002407	La Văn Giới	19/12/1997	16CĐN-Ô1	
233	16000973	Huỳnh Đăng Hiếu	13/08/1997	16CĐN-Ô1	
234	16001391	Trần Duy Hoan	12/07/1998	16CĐN-Ô1	
235	16003141	Lê Minh Huân	24/09/1998	16CĐN-Ô1	
236	16001246	Nguyễn Quang Khang	20/07/1998	16CĐN-Ô1	
237	16001832	Nguyễn Thành Lâm	12/02/1998	16CĐN-Ô1	
238	16000324	Quách Hồng Phát	09/11/1991	16CĐN-Ô1	
239	16001858	Đinh Duy Quân	28/01/1998	16CĐN-Ô1	
240	16003679	Nguyễn Huỳnh Tài	05/11/1996	16CĐN-Ô1	
241	16003174	Trương Tài	08/08/1997	16CĐN-Ô1	
242	16002763	Nguyễn Hoàng Thanh Tâm	12/01/1998	16CĐN-Ô1	
243	16003698	Hồ Minh Thái	02/10/1998	16CĐN-Ô1	
244	16002663	Phạm Khắc Thọ	14/03/1997	16CĐN-Ô1	
245	16003776	Phạm Ngọc Thiện	02/06/1998	16CĐN-Ô1	
246	16003286	Đới Xuân Tuấn	26/05/1998	16CĐN-Ô1	
247	16001302	Trần Minh Dũng	20/01/1998	16CĐ-Ô1	
248	16000740	Trần Trọng Khải	05/03/1998	16CĐ-Ô1	
249	16000710	Lê Phương Nam	20/04/1998	16CĐ-Ô1	
250	16000739	Ngô Thanh Nguyên	22/12/1998	16CĐ-Ô1	
251	16000328	Nguyễn Thanh Phong	10/06/1997	16CĐ-Ô1	
252	16000855	Trần Trọng Đức	28/10/1997	16CĐ-Ô10	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
253	16000846	Huỳnh Đăng Khoa	07/01/1998	16CD-Ô10	
254	16000841	Nguyễn Thái Long	25/03/1997	16CD-Ô10	
255	16000910	Nguyễn Thành Luân	23/12/1998	16CD-Ô10	
256	16000881	Ngô Trục Nhân	03/07/1998	16CD-Ô10	
257	16000902	Trương Hữu Phàm	17/02/1998	16CD-Ô10	
258	16000836	Nguyễn Văn Phát	15/08/1997	16CD-Ô10	
259	16000895	Huỳnh Tiến Thành	10/06/1998	16CD-Ô10	
260	16001771	Đỗ Duy Thảo	06/11/1998	16CD-Ô10	
261	16000805	Huỳnh Trường Thiện	02/09/1998	16CD-Ô10	
262	16000864	Trần Vũ Trọng Thoại	09/11/1998	16CD-Ô10	
263	16000845	Nguyễn Khắc Tùng	24/01/1997	16CD-Ô10	
264	16001227	Trần Minh Hoàng	06/09/1995	16CD-Ô2	
265	16001461	Đào Nhật Minh	18/06/1998	16CD-Ô2	
266	16001452	Nguyễn Hải Triều	28/05/1998	16CD-Ô2	
267	16001349	Trần Minh Trương	18/05/1998	16CD-Ô2	
268	16001572	Đinh Xuân An	12/03/1998	16CD-Ô3	
269	16001626	Lê Minh Dương	25/08/1998	16CD-Ô3	
270	16003527	Nguyễn Trọng Hiếu	16/06/1997	16CD-Ô3	
271	16001112	Phan Nguyễn Thanh Phương	19/11/1998	16CD-Ô3	
272	16001586	Trần Triều Tân	05/05/1998	16CD-Ô3	
273	16001620	Đinh Hoàng Anh Tuấn	19/08/1998	16CD-Ô3	
274	16001005	Đặng Thanh Duy	03/08/1998	16CD-Ô4	
275	16001017	Đỗ Minh Hải	10/05/1995	16CD-Ô4	
276	16001030	Nguyễn Văn Nhân	29/11/1998	16CD-Ô4	
277	16001035	Nguyễn Quốc Nhật	11/01/1997	16CD-Ô4	
278	16002011	Hồ Trịnh Thế Bảo	11/09/1997	16CD-Ô5	
279	16001995	Nguyễn Duy	20/04/1998	16CD-Ô5	
280	16001925	Nguyễn Văn Hoàng	04/08/1998	16CD-Ô5	
281	16001958	Trà Thanh Lam	05/09/1997	16CD-Ô5	
282	16002046	Nguyễn Hoàng Minh	30/05/1998	16CD-Ô5	
283	16002070	Trần Thanh Phong	29/06/1998	16CD-Ô5	
284	16003701	Nguyễn Việt Thắng	13/05/1998	16CD-Ô5	
285	16001955	Nguyễn Phúc Thiện	03/09/1997	16CD-Ô5	
286	16001881	Nguyễn Thanh Tùng	06/07/1998	16CD-Ô5	
287	16002178	Lê Quý Đức	13/08/1998	16CD-Ô6	
288	16002252	Đoàn Thế Khải	17/08/1996	16CD-Ô6	
289	16002231	Phạm Lê Nhật Khánh	19/10/1998	16CD-Ô6	
290	16002172	Trần Nhật Linh	23/03/1997	16CD-Ô6	
291	16002126	Nguyễn Công Minh	23/05/1998	16CD-Ô6	
292	16002356	Nguyễn Quyền Yên Nhi	20/10/1997	16CD-Ô6	
293	16001316	Tăng Tấn Phát	21/03/1997	16CD-Ô6	
294	16002353	Lê Quang Sơn	20/05/1996	16CD-Ô6	
295	16002357	Nguyễn Hồng Sơn	07/03/1998	16CD-Ô6	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
296	16001167	Tăng Duy Tính	09/02/1997	16CD-Ô6	
297	16002133	Hồ Đình Minh Trí	14/05/1998	16CD-Ô6	
298	16001294	Phạm Quốc Trung	01/01/1997	16CD-Ô6	
299	16001710	Lê Quang Huy	08/11/1998	16CD-Ô7	
300	16002404	Nguyễn Lê Huy	24/12/1998	16CD-Ô7	
301	16002367	Lê Xuân Huỳnh	10/01/1998	16CD-Ô7	
302	16001232	Trần Minh Khá	13/08/1997	16CD-Ô7	
303	16002488	Nguyễn Trọng Khương	11/01/1998	16CD-Ô7	
304	16002496	Lâm Tín Nghĩa	20/08/1997	16CD-Ô7	
305	16002455	Nguyễn Minh Phụng	11/03/1998	16CD-Ô7	
306	16002503	Huỳnh Trần Minh Trí	25/01/1995	16CD-Ô7	
307	16002559	Nguyễn Hoàng Trí	15/04/1998	16CD-Ô7	
308	16002359	Nguyễn Hữu Trí	20/02/1996	16CD-Ô7	
309	16002465	Nguyễn Hoàng Tuấn	19/04/1996	16CD-Ô7	
310	16002751	Trương Thế Hậu	05/02/1998	16CD-Ô8	
311	16001812	Nguyễn Tùng Long	26/08/1997	16CD-Ô8	
312	16001284	Huỳnh Nhật Nam	04/10/1998	16CD-Ô8	
313	16001292	Lý Thanh Nhân	28/02/1997	16CD-Ô8	
314	16002817	Ngô Hiệp Phát	16/04/1998	16CD-Ô8	
315	16001296	Lương Quang Phong	10/06/1998	16CD-Ô8	
316	16002967	Nguyễn Tấn Phong	10/08/1998	16CD-Ô8	
317	16002715	Đàm Quyền	08/11/1998	16CD-Ô8	
318	16002651	Trần Quốc Thanh	06/02/1998	16CD-Ô8	
319	16002847	Lê Văn Thành	01/07/1998	16CD-Ô8	
320	16002789	Nguyễn Tấn Tiến	07/08/1998	16CD-Ô8	
321	16002616	Trần Ngọc Toàn	15/08/1998	16CD-Ô8	
322	16002941	Huỳnh Hoài Bảo	30/06/1998	16CD-Ô9	
323	15001925	Huỳnh Quốc Bửu	11/09/1995	16CD-Ô9	
324	16003076	Đinh Tiến Đạt	18/07/1998	16CD-Ô9	
325	16002931	Võ Anh Hào	27/09/1997	16CD-Ô9	
326	16003113	Đỗ Thanh Hiễn	16/07/1998	16CD-Ô9	
327	16002970	Trần Hoàng Huy	05/10/1998	16CD-Ô9	
328	16002866	Trần Quang Phúc Huy	23/04/1996	16CD-Ô9	
329	16003009	Phạm Phi Long	27/12/1998	16CD-Ô9	
330	16003053	Đặng Phúc Nguyên	08/06/1995	16CD-Ô9	
331	16002947	Huỳnh Quốc Nhân	05/02/1998	16CD-Ô9	
332	16001693	Phạm Duy Tân	17/09/1997	16CD-Ô9	
333	16003045	Nguyễn Thanh Trung	26/07/1997	16CD-Ô9	
334	16000109	Lê Tuấn Anh	01/10/2001	16TCN-Ô1	
335	16000563	Trịnh Anh Bình	30/04/2001	16TCN-Ô1	
336	16000557	Trịnh Gia Kiên	24/03/2001	16TCN-Ô1	
337	16000262	Hoàng Phúc Lâm	27/10/2001	16TCN-Ô1	
338	16000125	Trịnh Đình Nhu	11/06/2001	16TCN-Ô1	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
339	16001062	Đỗ Quang Sang	30/07/2000	16TCN-Ô1	
340	16000216	Lê Văn Sỹ	28/12/2000	16TCN-Ô1	
341	16000149	Châu Thành Tài	31/12/2001	16TCN-Ô1	
342	16001016	Bùi Đức Thuận	21/01/2000	16TCN-Ô1	
343	16000079	Nguyễn Trần Vĩnh Thụy	07/03/2001	16TCN-Ô1	
344	16000070	Kim Minh Trí	22/12/2001	16TCN-Ô1	
345	16003865	Nguyễn Thanh Trung	22/01/2000	16TCN-Ô1	
346	16003705	Trương Vị Trung	14/05/1999	16TCN-Ô1	
347	16000451	Ngô Phi Anh Tuấn	27/03/2001	16TCN-Ô1	
348	16000206	Nguyễn Thanh Tùng	26/08/2001	16TCN-Ô1	
Tổng cộng:			348	HS-SV	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2018